

MỤC LỤC

Chương I 3
QUY ĐỊNH CHUNG..... 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng..... 3
Điều 2. Tài liệu liên quan 3
Điều 3. Giải thích từ ngữ..... 3
Chương II..... 6
QUY ĐỊNH CỤ THỂ 6
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin 6
Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin..... 6
Điều 6. Người thực hiện công bố tin..... 7
Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin..... 7
Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin..... 8
Điều 9. Công bố thông tin định kỳ..... 9
Điều 10. Công bố thông tin bất thường..... 11
Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu..... 14
Điều 12. Công bố thông tin về hoạt động khác..... 15
Điều 13. Công bố thông tin liên quan đến cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng..... 15
Điều 14. Công bố thông tin liên quan đến người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ..... 16
Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai 18
Điều 16. Quy trình thực hiện công bố thông tin 18
Chương III..... 19
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 19
Điều 17. Trách nhiệm của các Đơn vị..... 19
Điều 18. Hiệu lực thi hành 20

S-C
G
PHẢI
IN
HÀ

QUY CHẾ
Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Quy chế này quy định về việc Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc dân (sau đây gọi là Ngân hàng/NCB) công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 1.2. Quy chế này áp dụng đối với các Đơn vị, cá nhân trên toàn hệ thống NCB có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của NCB.

Điều 2. Tài liệu liên quan

2.1. Tài liệu liên quan

STT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Nơi ban hành	Ngày ban hành
1	Luật Chứng khoán	54/2019/QH14	Quốc Hội	26/11/2019
2	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	155/2020/NĐ-CP	Chính phủ	31/12/2020
3	Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	96/2020/TT-BTC	Bộ Tài chính	16/11/2020
4	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	68/2024/TT-BTC	Bộ Tài chính	18/09/2024

- 2.2. Trong Quy chế này, các văn bản được dẫn chiếu bao gồm cả văn bản sửa đổi, bổ sung của các văn bản này (nếu có).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 3.1. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:
- Người nội bộ của Ngân hàng và người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng;
 - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;
 - Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Ngân hàng;
 - Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;
 - Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;
 - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Ngân hàng.
- 3.2. *Người nội bộ của Ngân hàng* bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; thư ký Ngân hàng, người phụ trách quản trị Ngân hàng, người được ủy quyền công bố thông tin.
- 3.3. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
- Ngân hàng và người nội bộ của Ngân hàng; doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - Ngân hàng với tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng; doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

- f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 3.4. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 7.1 Điều 7 Quy chế này.
- 3.5. *Thời điểm báo cáo* là thời điểm gửi fax, gửi qua thư điện tử, thời điểm thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi là UBCKNN), phương tiện công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán (sau đây gọi là SGDCK) hoặc thời điểm UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
- 3.6. *Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:
- a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
 - b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
 - c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi là TCTLK&BTCK);
 - d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - e) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua TCTLK&BTCK và không thực hiện qua SGDCK.
- 3.7. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:
- a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
 - b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
 - c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
 - d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại TCTLK&BTCK trong trường hợp giao dịch thực hiện qua TCTLK&BTCK;
 - e) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - f) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB.

chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua TCTLK&BTCK và không thực hiện qua SGDCK.

- 3.8. *Thông tư 96* là Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- 3.9. *Đơn vị* là các Khối, Trung tâm thuộc Hội sở chính, các đơn vị trực thuộc.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

- 4.1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
- 4.2. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Ngân hàng phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- 4.3. Ngân hàng khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 4.1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.
- 4.4. Việc công bố thông tin của Ngân hàng do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.
- 4.5. Các thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này được lưu giữ như sau:
 - a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng tối thiểu 05 năm;
 - b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử Ngân hàng tối thiểu 05 năm.

Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin

- 5.1. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Ngân hàng thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo quy định tại khoản 5.2 Điều này. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 5.2. Ngân hàng thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình như sau:
 - a) Công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;
 - b) Công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác của Ngân hàng đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 6. Người thực hiện công bố tin

- 6.1. Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua Người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là Người được ủy quyền công bố thông tin của Ngân hàng.
- 6.2. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp các thành viên còn lại của Ban Điều hành giữ chức vụ ngang nhau thì các thành viên này bầu hoặc chỉ định 01 người trong số các thành viên này chịu trách nhiệm công bố thông tin.
- 6.3. Ngân hàng phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96.

Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

- 7.1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng;
 - b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
 - c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin

khác theo Quy chế của SGDCK;

- d) Trang thông tin điện tử của TCTLK&BTCK;
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

7.2. Trang thông tin điện tử của Ngân hàng phải đảm bảo quy định sau:

- a) Ngân hàng phải công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
- b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Ngân hàng, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này;
- c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử.

7.3. Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại các điểm a, b, c khoản 7.1 Điều này.

7.4. Trường hợp nghỉ vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 7.1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

7.5. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

7.6. Ngân hàng không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 7.3 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

8.1. Ngân hàng được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Ngân hàng phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB.

tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

- 8.2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Ngân hàng có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ

9.1. Báo cáo tài chính năm

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

- a) Báo cáo tài chính năm bao gồm báo cáo tài chính năm riêng lẻ của Ngân hàng và báo cáo tài chính năm hợp nhất, trong đó bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
- b) Ngân hàng phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;
- c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

9.2. Báo cáo tài chính bán niên.

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

- a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 9.1 Điều này;
- b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
- c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát

59;
HÀ
CÔ
DÀI
HP

xét nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

9.3. Báo cáo tài chính quý

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

- a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 9.1 Điều này;

Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

- b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Ngân hàng công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

9.4. Khi công bố các báo cáo tài chính quy định tại các khoản 9.1, 9.2, 9.3 Điều này, Ngân hàng phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Ngân hàng giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản này trên cơ sở báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất.

9.5. Báo cáo thường niên

Ngân hàng phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96 và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

9.6. Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng

Ngân hàng phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

9.7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 10.1 Điều 10 Quy chế này.

Điều 10. Công bố thông tin bất thường

10.1. Ngân hàng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Tài khoản của Ngân hàng tại ngân hàng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Ngân hàng có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Ngân hàng phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông

không phải là cổ đông lớn;

- d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Ngân hàng hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
- e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f) Quyết định về việc tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Ngân hàng; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Ngân hàng, con dấu của Ngân hàng; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng;
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
- i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Ngân hàng;
- j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Ngân hàng hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Ngân hàng công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

- k) Ngân hàng thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Ngân hàng cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng). Đồng thời, Ngân hàng gửi cho UBCKNN, SGDCK bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96;
- l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Ngân hàng căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét;
- m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Ngân hàng, người nội bộ của Ngân hàng; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Ngân hàng;
- n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Ngân hàng; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
- o) Ngân hàng nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- p) Trường hợp Ngân hàng nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Ngân hàng, Ngân hàng phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
- q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Ngân hàng;
- r) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài;
- s) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- t) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Ngân hàng tại báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất bán niên gần nhất được soát xét;
- u) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

- 10.2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 10.1 Điều này, Ngân hàng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
- 10.3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 9.7 Điều 9 Quy chế này;
 - Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
- 10.4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu
- Ngân hàng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
 - Ngân hàng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
- 10.5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Ngân hàng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại các khoản 9.1, 9.2, 9.3 Điều 9 Quy chế này.
- 10.6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác
- Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Ngân hàng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu

- 11.1. Trong các trường hợp sau đây, Ngân hàng phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCCK nơi Ngân hàng niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến Ngân hàng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

11.2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Ngân hàng về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 12. Công bố thông tin về hoạt động khác

12.1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn

Ngân hàng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

Trường hợp phát hành trái phiếu ra công chúng, niêm yết trái phiếu, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Thông tư 96.

12.2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Ngân hàng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, SGDK, TCTLK&BTCK và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

12.3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 13. Công bố thông tin liên quan đến cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng

13.1. Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu bao gồm:

- a) Báo cáo của tổ chức, cá nhân về ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Ngân hàng;
- b) Báo cáo của cổ đông lớn về thay đổi số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 01% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Ngân hàng từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Ngân hàng từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Ngân hàng của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo Ngân hàng, UBCKNN và SGDCK về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

- c) Báo cáo theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này của nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;
- d) Báo cáo theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 96.

13.2. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 01% quy định tại điểm a, điểm b khoản 13.1 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 3.7 Điều 3 Quy chế này.

13.3. Ngân hàng không phải công bố thông tin đối với các trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết tại quy định tại khoản 13.1 Điều này do Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu mà các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch.

Điều 14. Công bố thông tin liên quan đến người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

14.1. Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB.

dịch chứng khoán của người nội bộ của Ngân hàng và người có liên quan của đối tượng này (sau đây gọi là người nội bộ và người có liên quan), cụ thể như sau:

Báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDC (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), bao gồm:

- a) Thông báo giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96 tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch;
- b) Báo cáo kết quả giao dịch và giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.

14.2. Trường hợp người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 14.1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 13 Quy chế này thì Ngân hàng chỉ thực hiện công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại khoản 14.1 Điều này.

14.3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Ngân hàng hoặc người có liên quan của đối tượng này, Ngân hàng vẫn phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 14.1 Điều này.

14.4. Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trong thời hạn 03 ngày làm việc khi nhận được báo cáo của công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng về thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trong thời hạn 24h kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

14.5. Ngân hàng thực hiện công bố thông tin đối áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại khoản 14.1 Điều này trong trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân

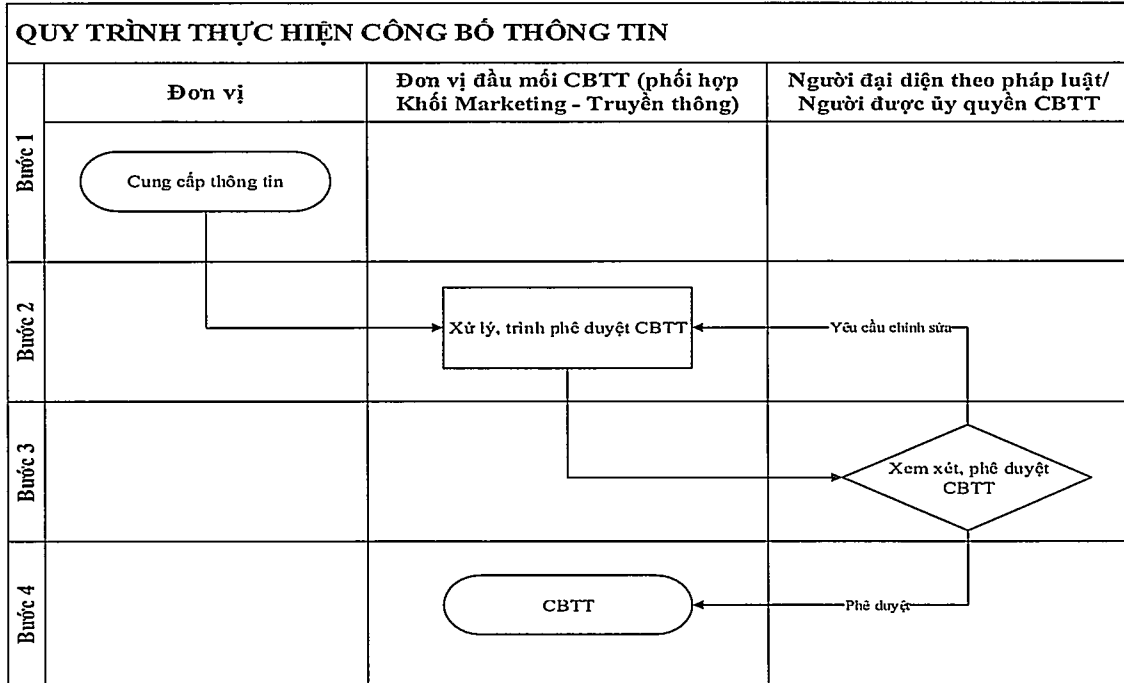
00
3 AN
16 M
JOC
PHI

hàng thực hiện giao dịch chứng khoán của Ngân hàng.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Trường hợp chào mua công khai, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

Điều 16. Quy trình thực hiện công bố thông tin



16.1. Bước 1. Cung cấp thông tin

Khi phát sinh thông tin phải công bố theo quy định tại các Điều 9, 10, 12, 13, 14, 15 Quy chế này, Đơn vị thông báo và cung cấp đầy đủ nội dung thông tin, tài liệu có liên quan cho Đơn vị đầu mối công bố thông tin.

Khi phát sinh thông tin phải công bố theo quy định tại Điều 11 Quy chế này, các Đơn vị cung cấp thông tin theo yêu cầu của Đơn vị đầu mối công bố thông tin.

16.2. Bước 2. Xử lý, trình phê duyệt công bố thông tin

Khi nhận được thông tin theo quy định tại khoản 16.1. Điều này, Đơn vị đầu mối công bố thông tin thực hiện:

- a) Kiểm tra thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
- b) Phối hợp với Khối Marketing – Truyền thông xây dựng nội dung công bố thông tin và dự kiến thời điểm báo cáo;
- c) Trình Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt công bố thông tin.

16.3. Bước 3. Xem xét, phê duyệt công bố thông tin

Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin xem xét, phê duyệt công bố thông tin.

Trường hợp Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin yêu cầu chỉnh sửa nội dung công bố thông tin, Đơn vị đầu mối công bố thông tin phối hợp với Đơn vị cung cấp thông tin và Khối Marketing - Truyền thông hoàn thiện nội dung công bố thông tin, trình phê duyệt công bố thông tin theo quy định tại khoản 16.2 Điều này.

16.4. Bước 4. Công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin và báo cáo

Sau khi Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt, Đơn vị đầu mối thực hiện báo cáo UBCKNN, SGDCNN và gửi Khối Marketing – Truyền thông thực hiện công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng theo quy định.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm của các Đơn vị

17.1. Văn phòng HĐQT là Đơn vị đầu mối công bố thông tin của Ngân hàng, có trách nhiệm:

- Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu thông tin do các Đơn vị cung cấp;
- Yêu cầu các Đơn vị liên quan cung cấp thông tin trong trường hợp công bố thông tin quy định tại Điều 11 Quy chế này;
- Đầu mối, phối hợp với Khối Marketing – Truyền thông xây dựng nội dung công bố thông tin theo mẫu tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 96 và dự kiến thời điểm báo cáo, trình Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt.

Trường hợp thay đổi dự kiến thời điểm báo cáo, Đơn vị đầu mối công bố thông tin thông báo kịp thời cho Khối Marketing – Truyền thông trước thời điểm báo cáo;

- Gửi Khối Marketing – Truyền thông thực hiện công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng sau khi Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt;
- Khi thực hiện công bố thông tin theo quy định tại điểm d khoản này, Đơn vị đầu mối công bố thông tin đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCNN về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định;
- Bảo quản, lưu giữ thông tin báo cáo theo quy định tại khoản 4.5 Điều 4 Quy chế này.

17.2. Khối Marketing - Truyền thông có trách nhiệm:

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB.

592
IÀN
CỔ P
DÂN
HÀ

- a) Phối hợp với Đơn vị đầu mối công bố thông tin rà soát, cho ý kiến về nội dung công bố thông tin, dự kiến thời điểm báo cáo trước khi trình Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt;
- b) Thực hiện công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng sau khi Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt;
- c) Bảo quản, lưu giữ bản điện tử thông tin công bố theo quy định tại khoản 4.5 Điều 4 Quy chế này.

17.3. Các Đơn vị thuộc hệ thống NCB có trách nhiệm:

- a) Thông báo và cung cấp đầy đủ nội dung thông tin, tài liệu có liên quan cho Đơn vị đầu mối công bố thông tin đúng thời hạn theo phân công nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Các Đơn vị thực hiện cung cấp thông tin đồng thời bằng tiếng Anh cho Đơn vị đầu mối công bố thông tin theo lộ trình quy định tại khoản 5.2 Điều 5 Quy chế này đối với các trường hợp công bố thông tin quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12 Quy chế này trừ trường hợp công bố thông tin quy định tại điểm b (khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động), điểm m, điểm n, điểm o, điểm r khoản 10.1 Điều 10 Quy chế này;

- b) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Đơn vị đầu mối công bố thông tin trong trường hợp công bố thông tin quy định tại Điều 11 Quy chế này;
- c) Trường hợp cần thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đơn vị lập báo cáo, giải trình lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó gửi Đơn vị đầu mối công bố thông tin để thực hiện công bố theo Điều 16 Quy chế này.

17.4. Khối Quản trị tài chính khi thực hiện cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a khoản 17.3 Điều này phải đồng thời gửi dự thảo Báo cáo UBCKNN, SGDCCKNN và dự kiến thời điểm báo cáo cho Đơn vị đầu mối công bố thông tin đối với các trường hợp công bố thông tin quy định tại các khoản 9.1, 9.2, 9.3 Điều 9 và các khoản 10.5, 10.6 Điều 10 Quy chế này.

17.5. Giám đốc/Người đứng đầu các Đơn vị tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin của Đơn vị và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của các thông tin do Đơn vị cung cấp cho Đơn vị đầu mối công bố thông tin.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

18.1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 12 năm 2024.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB.

- 18.2. Kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, Quy chế phát ngôn và công bố thông tin (QC.PR.001) ban hành ngày 06 tháng 02 năm 2018 hết hiệu lực.
- 18.3. Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các Đơn vị, cá nhân có liên quan trên toàn hệ thống NCB chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này. /.

Nơi nhận:

- HĐQT; BKS (để b/c);
- Như khoản 18.3 Điều 18 (để t/h);
- Lưu: VPHS; VPHĐQT;
- Đăng Website, Eoffice.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Thị Thanh Hương





Quy chế Công bố thông tin PL01/QC.PR.001 v2.0

MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Kèm theo Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Nghị quyết 251/2024/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2024)

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị cung cấp thông tin
A	Công bố thông tin định kỳ			
A.1	Báo cáo tài chính năm riêng lẻ và hợp nhất đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Tối thiểu 04 giờ trước thời hạn CBTT theo quy định	Khối QTTC
A.2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Tối thiểu 04 giờ trước thời hạn CBTT theo quy định	Khối QTTC
A.3	Báo cáo tài chính quý	<ul style="list-style-type: none"> Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp BCTC quý được soát xét: Công bố thông tin trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 	Tối thiểu 04 giờ trước thời hạn CBTT theo quy định	Khối QTTC

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị cung cấp thông tin
		45 ngày kể từ ngày kết thúc quý		
A.4	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 105 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Khối Marketing - Truyền thông
A.5	Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	VPHĐQT
A.6	Thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên			
	Thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên	Tối thiểu 23 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên	VPHĐQT
	Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết	Trong thời hạn 24h kể từ khi kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên	Trong thời hạn 12h kể từ khi kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên	VPHĐQT
B	Công bố thông tin bất thường			
B.1	Tài khoản của Ngân hàng tại ngân hàng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	Đơn vị quản lý tài khoản của NCB

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị cung cấp thông tin
	hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán			
B.2	Tài khoản của Ngân hàng tại ngân hàng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	Đơn vị quản lý tài khoản của NCB
B.3	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong thời hạn 24h kể từ khi nhận được văn bản	Ngay khi nhận được văn bản (không phải cung cấp thông tin bằng tiếng Anh)	Văn phòng hội sở - Khối Vận hành
B.4	Khi Ngân hàng có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	Đơn vị trình cấp thẩm quyền ban hành quyết định
B.5	Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường; thông tin về việc hủy niêm yết	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	VPHĐQT
B.6	Quyết định mua lại cổ phiếu của Ngân hàng hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	VPHĐQT

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị cung cấp thông tin
	chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;			
B.7	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	VPHĐQT
B.8	Quyết định về việc tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Ngân hàng; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Ngân hàng, con dấu của Ngân hàng; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng;	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng PTML – Khối Vận hành: đối với quyết định về việc thay đổi địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch của NCB. - VPHĐQT đối với các quyết định còn lại
B.9	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng; thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán; việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	Khối QTTC
B.10	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua	Trong thời hạn 24h kể từ khi	Trong thời hạn 12h kể từ khi	VPHĐQT

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Đơn vị đầu mối CBTT	Đơn vị cung cấp thông tin
	để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	xảy ra sự kiện	xảy ra sự kiện	
B.11	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Ngân hàng	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	VPHĐQT
B.12	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết:			
	Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm NCB báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán	Trong thời hạn 12h kể từ thời điểm NCB báo cáo UBCKNN kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi	VPHĐQT
	Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24h kể từ thời điểm NCB báo cáo kết quả giao dịch theo quy định của pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 12h kể từ khi NCB báo cáo kết quả giao dịch	VPHĐQT

 30
 AN
 GM
 IUC
 PH

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị cung cấp thông tin
	Ngân hàng mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Ngân hàng hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông	Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng	Trong thời hạn 05 ngày đầu tiên của tháng	VPHĐQT
B.13	Ngân hàng thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - VPHĐQT (đối với người nội bộ là Thành viên HĐQT, BKS, thư ký Ngân hàng, người phụ trách quản trị Ngân hàng, người được ủy quyền CBTT). - Khối QTNNL (đối với người nội bộ khác)
B.14	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Ngân hàng căn cứ vào BCTC hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	VPHĐQT
B.15	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Ngân hàng, người nội bộ của Ngân hàng; tạm	Trong thời hạn 24h kể từ khi nhận được quyết định	Ngay khi nhận được quyết định	Văn phòng hội sở - Khối Vận hành

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị cung cấp thông tin
	giám, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Ngân hàng		(không phải cung cấp thông tin bằng tiếng Anh)	
B.16	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Ngân hàng; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Ngay khi nhận được bản án, quyết định (không phải cung cấp thông tin bằng tiếng Anh)	- Đơn vị được giao xử lý. - Khối QTTC (đối với Quyết định xử phạt VPPL về thuế)
B.17	Ngân hàng nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Ngay khi nhận được thông báo (không phải cung cấp thông tin bằng tiếng Anh)	Văn phòng hội sở - Khối Vận hành
B.18	Xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin khi nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Ngân hàng	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	Đơn vị có liên quan đến sự kiện, thông tin
B.19	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Ngân hàng	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	Đơn vị có liên quan đến sự kiện
B.20	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Ngay khi xảy ra sự kiện (không phải cung cấp thông tin bằng tiếng Anh)	Đơn vị được giao quản lý loại chứng khoán tương ứng

 59
 HẢI
 CỐ
 DÃ
 54

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị cung cấp thông tin
B.21	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	VPHĐQT
B.22	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Ngân hàng tại BCTC hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất ban niên gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	VPHĐQT
B.23	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức	Trong thời hạn 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12h kể từ khi xảy ra sự kiện	VPHĐQT
B.24	Họp ĐHĐCĐ bất thường	Thời hạn công bố thông tin như đối với họp ĐHĐCĐ thường niên (<i>số thứ tự A.6</i>)	Thời hạn cung cấp thông tin như đối với họp ĐHĐCĐ thường niên (<i>số thứ tự A.6</i>)	VPHĐQT
	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Tối thiểu 12 ngày trước ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	VPHĐQT
B.25	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (trừ trường hợp thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Tối thiểu 12 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	VPHĐQT
B.26	Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Tối thiểu 22 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	VPHĐQT
B.27	Ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả	Thời hạn công bố thông tin	Thời hạn cung cấp thông tin	Khối QTTC

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị cung cấp thông tin
	điều chỉnh hội tổ BCTC trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hội tổ	như đối với BCTC năm, BCTC bán niên, BCTC quý (số thứ tự A.1, A.2, A.3)	như đối với BCTC năm, BCTC bán niên, BCTC quý (số thứ tự A.1, A.2, A.3)	
B.28	BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp sau khi thay đổi kỳ kế toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	Tối thiểu 04 giờ trước thời hạn CBTT theo quy định	Khối QTTC
C	Công bố thông tin theo yêu cầu			
C.1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Trong thời hạn 24h kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	Trong thời hạn 12h kể từ khi nhận được yêu cầu của Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị liên quan sự kiện
C.2	Có thông tin liên quan đến NCB ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	Trong thời hạn 24h kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	Trong thời hạn 12h kể từ khi nhận được yêu cầu của Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị liên quan đến thông tin
D	Công bố thông tin về hoạt động khác			
D.1	Thông tin về hoạt động chào bán phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	Theo quy định của pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	(Việc cung cấp thông tin đảm bảo việc CBTT tuân thủ thời hạn theo quy định pháp luật)	<ul style="list-style-type: none"> - VPHĐQT (đối với chứng khoán là cổ phiếu) - Khối NV và

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị cung cấp thông tin
				TTTC (đối với chứng khoán là trái phiếu)
D.2	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Ngân hàng và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	(Việc cung cấp thông tin đảm bảo việc CBTT tuân thủ thời hạn theo quy định pháp luật)	VPHĐQT
D.3	Thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định của pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	(Việc cung cấp thông tin đảm bảo việc CBTT tuân thủ thời hạn theo quy định pháp luật)	VPHĐQT
	Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10%	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	VPHĐQT
E	Công bố thông tin liên quan đến cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết			
E.1	Tổ chức, cá nhân trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Ngân hàng	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	Trong thời hạn 01 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	VPHĐQT
E.2	Thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 01% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông lớn của Ngân hàng, nhóm người có	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	Trong thời hạn 01 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	VPHĐQT

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị cung cấp thông tin
	liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng			
F	Công bố thông tin liên quan đến người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ			
F.1	Thông tin về giao dịch chứng khoán dự kiến của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	Trong thời hạn 01 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	VPHĐQT
F.2	Thông tin về kết quả giao dịch chứng khoán và giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	VPHĐQT
F.3	Khi nhận được báo cáo của công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng về thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	Trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	VPHĐQT
F.4	Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng thực hiện giao dịch chứng khoán của Ngân hàng	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	Trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	VPHĐQT
E	Thông tin về chào mua công khai			
E.1	Thông tin về chào mua công khai	Theo quy định pháp luật về	(Việc cung cấp thông tin	VPHĐQT

T.C.P. 11

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn cung cấp thông tin cho Đơn vị đầu mỗi CBTT	Đơn vị cung cấp thông tin
		chào mua công khai	đảm bảo việc CBTT tuân thủ thời hạn theo quy định pháp luật)	